

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 -12-2022

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ AN, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lục Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Long Thị Nét.
2. Bà Hoàng Thị Bằng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Biền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà An, Cao Bằng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Dương Thị T; Sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn PL, xã TT, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. *Bị đơn:* Nông Trung K; Sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm NH, xã NT, huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng.

(Cả nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2022 và lời trình bày của nguyên đơn Dương Thị T có tại hồ sơ, thể hiện: Chị T và anh K được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, trước khi kết hôn, hai vợ chồng có được tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Hai vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, huyện Hoà An vào ngày 23/3/2017.

Về quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian đầu, đến tháng 4 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, thiếu sự chia sẻ, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống và có xô sát xảy ra khi mâu thuẫn, dẫn đến đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Có một con chung tên Nông Thị Trúc A, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2017, hiện tại con đang ở với chị tại tỉnh Bắc Giang. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh K phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Lời trình bày của bị đơn Nông Trung K tại hồ sơ thể hiện: Anh K thống nhất với toàn bộ lời trình bày của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Ngoài ra, anh K còn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện bị đơn về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn có nơi cư trú tại huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng nên Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thủ tục:* Nguyên đơn, bị đơn đều có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét về yêu cầu và ý kiến của đương sự:

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị Dương Thị T và anh Nông Trung K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, Hòa An, Cao Bằng vào ngày 23/3/2017, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T với anh K là hợp pháp. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng ngày càng xa cách. Trước thời điểm chị T làm đơn ly hôn thì hai vợ chồng đã ly thân với nhau từ giữa năm 2021. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, hai vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nên chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Phía anh K trình bày cũng xác nhận là vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, tình cảm dành cho nhau đã không còn nên việc yêu cầu giải quyết việc ly hôn của chị T thì anh K cũng nhất trí. Xét thấy tình cảm vợ chồng chị T và anh K đã không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của hai người đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị T và anh K là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Sau khi ly hôn chị T và anh K thống nhất thỏa thuận giao con chung tên Nông Thị Trúc A, sinh ngày 04 tháng 02 năm 2022 cho chị T nuôi dạy, xét thấy việc thỏa thuận giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nên giao cháu Trúc Anh cho chị T trực tiếp nuôi dạy là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng cho con, xét thấy đây cũng là sự tự nguyện của chị T nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung vợ chồng: Chị T và anh K đều xác nhận là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị T và anh Nông Trung K.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Thị Trúc A, sinh ngày 04/02/2017 cho chị Dương Thị T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con chung đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết chị Huệ, anh Tuyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh K đều xác nhận là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên

lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003644 ngày 21/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà An, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã NT, Hoà An;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lục Thanh Hải